

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 570/2022/HS-ST  
Ngày: 22-12-2022

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa – Cán bộ hưu trí.

Bà Phạm Thị Nguyệt Thu – Chủ tịch Ủy

ban nhân dân phường Trung Dũng, thành phố B.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Điều Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 482/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 556/2022/QĐXXST-HS ngày 29/11/2022 đối với các bị cáo:

**1. Họ tên: Nguyễn Văn P;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1999; Tại: tỉnh Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Không xác định; Nơi ở hiện nay: Khu phố Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 00/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn Loan, sinh năm: 1974 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Phương, sinh năm: 1976 (còn sống); Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 04 anh chị em; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Trần Thị Nhí, sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 (Ngày 21/01/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 08 (tám) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 44/2021/HSST ngày 21/01/2021, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2021 và chưa được xoá án tích); Bị cáo bị giam giữ từ ngày 25/6/2022 cho đến nay tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt.

**2. Họ tên: Nguyễn Văn V;** Giới tính: Nam; Sinh năm: 1995; Tại: tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố Hương Phước, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Nguyễn Hùng; sinh năm: 1971 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Kim Quy; sinh năm: 1976 (còn sống); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em; Bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị Bích T, sinh năm:

1993, có 02 con lần lượt sinh năm 2017 và 2022; Tiền sự: Không; Tiền án: **03** (Ngày 24/7/20212, bị Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 08 (Tám) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 49/2012/HSST; Ngày 25/7/20212, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 06 (sáu) năm tù giam về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 436/2012/HSST, tổng hợp chung hình phạt của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành 06 năm 08 tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2016 và chưa được xoá án tích; Ngày 28/8/2018, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 288/2018/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/5/2021 và chưa được xoá án tích). Ngày 10/7/2022 bị cáo ra đầu thú và bị giam giữ cho tới nay tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5). Bị cáo có mặt.

- **Bị hại:** 1/ Bà Hồ Thị M, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp Bùi Chu, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị M, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

3/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 12, khu phố Hương Phước, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/6/2022 đến ngày 09/7/2022, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn V đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Biên Hoà, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/6/2022, P rủ V đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài, V điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển số) chở P mang theo một đoàn sắt, đi tìm tài sản sở hữu để trộm cắp. Khi đến dãy nhà trọ không số thuộc tổ 4A, khu phố 8, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, P phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 79V1-324.58 của chị Hồ Thị M đang dựng trước dãy trọ và không có người trông coi, V dừng xe đứng ngoài cảnh giới, còn P đi đến vị trí xe, dùng đoạn phá khóa xe rồi điều khiển xe tẩu thoát. Sau khi lấy trộm được xe, V và P thống nhất giao xe cho P để tìm nơi tiêu thụ rồi lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đến khoảng 08 giờ ngày 24/6/2022, P sử dụng xe mô tô biển số 79V1-324.58 (là xe trộm cắp của chị Châu) cùng với Nguyễn Hoàng Dương, (sinh năm 2002, hộ khẩu thường trú tổ 2, khu phố Hương Phước, thành phố Biên Hoà) tiếp tục đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi cả hai đi đến đoạn đường nội bộ, thuộc khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai thì P và Dương bị lực lượng tuần tra của Công an phường Tam Phước tuần tra, kiểm tra và phát hiện nên phối hợp cùng Công an phường phường Long Bình lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công thành phố Biên Hoà giải quyết theo quy định.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/7/2022, Nguyễn Văn V và Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1993 (là vợ của V) cùng một số người bạn (không rõ họ tên, địa chỉ) đến quán cà phê “Không tên 5” thuộc khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để uống nước. Tại đây, V phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, biển số 60F1-755.56 của chị Lê Thị M (mượn của chị Lê Thị T) dựng trước quán có chìa khóa cắm trên ổ khóa xe, bên trong cốp xe có số tiền 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) của chị T nên V đã nảy sinh ý định trộm cắp xe. V nhờ bạn của V chở chị T về nhà, còn V ở lại quán. Lợi dụng lúc chị M ngồi trong quán uống nước, sơ hở trong việc quản lý xe, V đã trộm cắp xe mô tô biển số 60F1-755.56 và điều khiển xe tẩu thoát. Khi mở cốp xe mô tô để đổ xăng, V phát hiện số tiền 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) của chị T nên đã lấy toàn bộ số tiền này. Do V muốn chuyển số tiền trộm cắp được cho chị T nhưng V không sử dụng tài khoản ngân hàng nên V nhờ một tài xế taxi (không rõ họ tên, địa chỉ) chuyển khoản cho chị Huỳnh Thị Bích T số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) rồi V giao lại tiền mặt cho người này, số tiền còn lại V tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, V điều khiển xe trộm cắp đến phòng trọ của chị Võ Thị Diễm Hương và anh Mã Quốc Tân để gửi xe ở đây, rồi V bỏ đi.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Lê Thị M và chị Lê Thị T đã đến công an phường L trình báo. Quá trình xác minh, Công an phường L phát hiện và thu giữ xe mô tô biển số 60F1 – 755.56 tại phòng trọ của chị Hương. Đến ngày 10/7/2022, Nguyễn Văn V đã đến công an phường L đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Công an phường L lập hồ sơ, chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hoà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 79V1-324.58 là tài sản của chị Hồ Thị M, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi, trả lại cho chị Châu.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60F1-755.56 là tài sản của chị Lê Thị T, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi trả lại cho chị T.

- Số tiền 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng), là tài sản của chị Lê Thị T. Hiện chưa thu hồi được, do sau khi trộm cắp, bị cáo Nguyễn Văn V đã chuyển khoản cho chị T số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), chị T đã rút toàn bộ số tiền này và tiêu xài hết, số tiền còn lại V đã tiêu xài cá nhân hết.

- 01 (một) đoạn sắt dài khoảng 8cm, 01 (một) ống điều số 8 hiệu Rebel, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 356971096140308 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn P đã sử dụng để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 239/KL – HĐĐGTS ngày 27/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 79V1-324.58 có giá trị định giá là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 257/KL – HĐĐGTS ngày 12/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60F1-755.56 có giá trị định giá là 9.050.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Về dân sự: Bị hại Hồ Thị M đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường, chị Lê Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn V bồi thường số tiền 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng), hiện bị cáo chưa bồi thường.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã nhận tội theo như nội dung cáo trạng mô tả và không có ý kiến hay khiếu nại kết luận định giá tài sản nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo và không có ý kiến về kết luận định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 496/CT-VKSBH ngày 20/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 16 (Mười sáu) tháng tù giam.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 (trong vụ thực hiện chung với bị cáo P) Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù giam.

Đối với Nguyễn Hoàng Dương, ngày 24/6/2022, Dương cùng với Nguyễn Văn P sử dụng xe mô tô biển số 79V1-324.58 do P trộm cắp trước đó để đi trộm cắp tài sản. Khi đang trên đường đi, P và Dương đã bị phát hiện khi chưa thực hiện hành vi phạm tội nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời, Dương không biết nguồn gốc xe mô tô biển số 79V1-324.58 là do P phạm tội mà có. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý đối với Nguyễn Hoàng Dương.

Đối với chị Võ Thị Diễm Hương và anh Mã Quốc Tân là người nhận giữ xe mô tô biển số 60F1-755.56 do bị cáo Nguyễn Văn V trộm cắp, tuy nhiên, chị Hương và anh Tân không biết đây là tài sản do V phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý đối với chị Hương, anh Tân.

Đối với chị Huỳnh Thị Bích T là người nhận và sử dụng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Văn V, đây là số tiền V lấy trộm của chị Lê Thị T cất trong cốp xe mô tô biển số 60F1 – 755.56, tuy nhiên chị T không biết đây là tài sản do V phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý đối với chị T.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn P đã khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/6/2022 đến ngày 09/7/2022, Nguyễn Văn P cùng Nguyễn Văn V thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, ngoài ra Nguyễn Văn V đã tự mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/6/2022, tại dãy nhà trọ không số thuộc tổ 4A, khu phố 8, phường Long Bình, thành phố B, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn P có hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 79V1-324.58 trị giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) của chị Hồ Thị M thì Nguyễn Văn P bị phát hiện và bị xử lý theo quy định pháp luật, còn Nguyễn Văn V trốn thoát.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/7/2022, tại quán cà phê “Không tên 5” thuộc khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn V có hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha sirius, biển số 60F1-755.56 trị giá 9.050.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) của chị Lê Thị M (xe này chị M mượn của chị Lê Thị T) và số tiền 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) của chị Lê Thị T cất trong cốp xe. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn V đã chiếm đoạt là 15.750.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) thì bị phát hiện và bị khởi tố điều tra để xử lý theo quy định pháp luật.

Như vậy: Nguyễn Văn P thực hiện 01 (một) vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), là người trực tiếp lấy trộm tài sản của bị hại Hồ Thị M; Nguyễn Văn V thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản (trong đó có 01 vụ thực hiện cùng bị cáo P), chiếm đoạt tổng số tiền 22.750.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai của bị hại; người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 496/CT-VKSBH ngày 20/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm mang tính gián đơn, không có sự phân công vai trò hay bàn bạc từ trước, bị cáo P là người rủ bị cáo V cùng thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản và V trực tiếp tự mình thực hiện 01 vụ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo P có 01 tiền án bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 08 (Tám) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 44/2021/HSST ngày 21/01/2021, chưa được xóa án tích bị cáo lại rủ rê bị cáo V cùng thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn P:

+ Tình tiết tăng nặng: Tái phạm (điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự).

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự).

- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V:

+ Tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên (điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự).

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện ra đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại là chị Lê Thị T chỉ yêu cầu một mình bị cáo Nguyễn Văn V bồi thường số tiền 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng), tại phiên tòa bị cáo V đồng ý bồi thường số tiền này cho chị T nên ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 79V1-324.58 là tài sản của chị Hồ Thị M, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi, trả lại cho chị Châu là phù hợp.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60F1-755.56 là tài sản của chị Lê Thị T, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi trả lại cho chị T là phù hợp;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 356971096140308 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn P đã sử dụng để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội;

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) đoạn sắt dài khoảng 8cm và 01 (một) ống điều số 8 hiệu Rebel là các tài sản của bị cáo Nguyễn Văn P đã sử dụng để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với Nguyễn Hoàng Dương ngày 24/6/2022, Dương cùng với Nguyễn Văn P sử dụng xe mô tô biển số 79V1-324.58 do P trộm cắp trước đó để đi trộm cắp tài sản. Khi đang trên đường đi, P và Dương đã bị phát hiện khi chưa thực hiện hành vi phạm tội nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời, Dương không biết nguồn gốc xe mô tô biển số 79V1-324.58 là do P phạm tội mà có. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý đối với Nguyễn Hoàng Dương là phù hợp.

Đối với chị Võ Thị Diễm Hương và anh Mã Quốc Tân là người nhận giữ xe mô tô biển số 60F1-755.56 do bị cáo Nguyễn Văn V trộm cắp, tuy nhiên, chị Hương và anh Tân không biết đây là tài sản do V phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý đối với chị Hương, anh Tân là phù hợp.

Đối với chị Huỳnh Thị Bích T là người nhận và sử dụng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Văn V, đây là số tiền V lấy trộm của chị Lê Thị T cất trong cốp xe mô tô biển số 60F1 – 755.56, tuy nhiên chị T không biết đây là tài sản do V phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý đối với chị T là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo V phải nộp 335.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

- Áp dụng Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V** mức án: **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** mức án: **01 (Một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 25/6/2022.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, số IMEI: 356971096140308 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn P đã sử dụng để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội; Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) đoạn sắt dài khoảng 8cm và 01 (một) ống điều số 8 hiệu Rebel là các tài sản

của bị cáo Nguyễn Văn P đã sử dụng để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội. (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 1071/QĐ-VKSBH ngày 21/12/2022 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/12/2022).

Về trách nhiệm Dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 335.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (6);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hoàng Phương**